

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Hương Giang.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2019 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Hồ Thị N, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau vào ngày 08, 09/02/2010 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN. Hôn nhân do tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Sau khi cưới chị và anh N cùng sinh sống chung với gia đình anh N, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến khoảng tháng 02,

03 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh N sống rất ích kỷ về tiền bạc, tiền của vợ chồng làm ra anh N đều quản lý hết, chị muốn làm gì, mua gì đều phải xin và hỏi ý kiến của anh N và chị cũng không còn tình cảm với anh N. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh N không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, cha mẹ hai bên cũng nói chị và anh N nếu sống không được thì ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh N chung sống với nhau có một con chung là con gái Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 14/5/2011. Con chung sống cùng anh N và bà nội từ năm 2018 cho đến nay, khi con chung sống cùng anh N, chị cũng thường xuyên gọi điện thoại hỏi thăm, gửi tiền, quà cho con chung Trà M. Chị thông nhất giao con chung Trà M cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị và anh N chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh N chung sống với nhau không có thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2019 người làm chứng bà Huỳnh Thị M, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh N, mẹ chồng chị N. Bà không có mâu thuẫn gì với chị N và anh N. Chị N và anh N có mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, chị N bỏ đi khoảng 02 năm trước nên chị N và anh N không còn sống chung cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh N cũng thống nhất ly hôn nhưng vì bận công việc nên không về Tòa án giải quyết ly hôn được, anh N dự định ngày 14/10/2019 về Tòa án nhưng sau đó do anh N đi làm nên không về được. Vợ chồng anh N có 01 con chung là con gái tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 14/5/2011 hiện đang sinh sống cùng bà và anh N từ khi chị N bỏ đi vào năm 2017 cho đến nay, lâu lâu chị N gửi tiền hoặc sữa cho cháu Trà M và cũng thường xuyên gọi điện thoại hỏi thăm Trà M. Anh N cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trà M, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng chị N chung sống không có tài sản chung và nợ chung. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về nuôi con chung giao con chung Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 14/5/2011 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hồ Thị N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn N và anh N hiện cư trú tại ấp B, xã A, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn N, người làm chứng bà Huỳnh Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N, bà M vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà M đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị N và anh Nguyễn Văn N được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Hồ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị N cho rằng do anh N sống rất ích kỷ với chị về vấn đề tiền bạc, anh N quản lý tiền nên chị muốn sử dụng thì phải hỏi và xin ý kiến của anh N. Đồng thời, chị N thừa nhận chị không còn tình cảm với anh N và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử đã động viên chị N hàn gắn tình cảm với anh N nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N vẫn không đến Tòa án hòa giải với chị N để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Đồng thời, người làm chứng bà Huỳnh Thị M là mẹ ruột của anh N trình bày là anh N cũng thống nhất ly hôn nhưng do đi làm nên không về Tòa án giải quyết việc ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 14/5/2011 chị N thừa nhận hiện con chung đang sinh sống ổn định cùng anh N và phù hợp với lời khai bà Huỳnh Thị M. Đồng thời, con chung Trà M có nguyện vọng sống cùng anh N. Chị N thống nhất giao con chung Trà M cho anh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao con chung Trà M cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình là có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con không, nếu anh N có yêu cầu thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị N đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị N chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001003 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị N. Cho chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 14/5/2011 cho anh Nguyễn Văn N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị Hồ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị N chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001003 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh ĐT.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2019) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung